TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Quỳnh và ông Ngô Duy Tùng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến V, sinh ngày 19/01/1999; trú tại: Khu 5, xã Y, huyện TS, tỉnh Phú Thọ; văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 25/5/2023; con ông Nguyễn Mạnh Th (đã chết) và bà Chu Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

*Người bị hại: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố Trại Mới, thị trấn Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đào Văn Th, sinh năm 1965; trú tại: Thôn Bắc Sơn, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt

2. Bà Chu Thị Ng, sinh năm 1979 ở khu 5, xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 8/2022, Nguyễn Tiến V quen biết chị Trần Thị N ở tổ dân phố Trại Mới, thị trấn Đại Đình, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến tháng 01/2023, Việt xin học nghề cắt tóc gội đầu tại cơ sở Spa của chị Nụ ở tổ dân phố Trại Mới, thị trấn Đại Đình, chị N đồng ý và cho V ăn, ở tại nhà chị N. Quá trình học việc và ở tại nhà chị N, V thường xuyên mượn chiếc điện

thoại của chị N để chơi điện tử. Trong lúc sử dụng điện thoại của chị N, V phát hiện chị N lưu dòng mật khẩu két sắt của chị N là 43, 74, 28, 49 và 32, do nhiều lần sử dụng điện thoại của chị N nên V đã nhớ dòng mật khẩu này. Khoảng 8 giờ 00’ sáng ngày 09/4/2023, chị N đi đám cưới, V ở nhà một mình nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị N để trả nợ và tiêu sài cá nhân. V đi lên tầng 2, đi vào phòng ngủ của chị N, tại đây V thấy két sắt của chị N để ở đầu giường ngủ, chìa khóa vẫn cắm ở két sắt. Vi đi đến vị trí để két sắt nhập mật khẩu là dãy số lưu trong điện thoại của chị N mà Việt nhớ là 43, 74, 28, 49 và 32 rồi mở khóa. V thấy bên trong két sắt có nhiều giấy tờ và có một ngăn có sẵn chìa khóa ở đó nên V mở ra thấy có nhiều tập tiền, mệnh giá 500.000đ. V đã trộm cắp của chị N số tiền 65.000.000đ. Sau khi lấy được tiền, V đóng két sắt lại, mang tiền vừa trộm cắp được cất ở quầy thu ngân tầng 1 nhà chị N, sau đó cất vào túi xách đeo chéo của Việt rồi cất giấu vào cốp xe ô tô của chị N. Đến sáng ngày 10/4/2023, V mang số tiền trộm cắp được của chị N trả cho ông Đào Văn Th ở thôn Bắc Sơn, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên số tiền 4.000.000đ là tiền nợ nhà trọ từ trước, ngoài ra Việt còn đưa trước cho ông Th số tiền 6.000.000đ để sau này trừ dần tiền thuê nhà trọ. Tuy nhiên, sau đó V không đến nhà trọ ở nên ông Th đã liên hệ về gia đình V và trả lại số tiền 6.000.000đ của V cho bà Chu Thị Ng ở khu 5, xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ là mẹ đẻ của V. Số tiền còn lại V đã tiêu sài cá nhân hết. Đến chiều ngày 10/4/2023, chị N phát hiện bị mất tiền trong két sắt, chị Nụ hỏi V lấy trộm tiền của chị N không, V đã thừa nhận việc lấy trộm số tiền 65.000.000đ trong két sắt của chị N, chị N yêu cầu V trả tiền cho chị N trong thời hạn 07 ngày. Để tạo sự tin tưởng cho chị N nên V đã tự nguyện viết các giấy vay tiền, tự nguyện nâng số tiền cao hơn số tiền V đã trộm cắp, đồng thời cam kết trả tiền và ở lại nhà chị N để làm thuê trả tiền cho chị N. Quá trình V tự nguyện viết giấy vay tiền tại nhà chị N, chị N đã sử dụng chiếc điện thoại của mình quay lại toàn bộ nội dung sự việc, mục đích để sau này đòi tiền V. Nhưng đến ngày 15/4/2023, do không có tiền trả cho chị N nên V đã bỏ về nhà ở của V, chị N nhiều lần liên lạc với V yêu cầu V trả tiền nhưng không được, đến ngày 10/5/2023, chị T Thị N có đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo về việc ngày 09/4/2023, Nguyễn Tiến V đã trộm cắp của chị N số tiền 65.000.000đ như nêu trên.

Quá trình xác định hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 túi đeo chéo, màu đen để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 15/5/2023, ông Nguyễn Văn Th tự nguyện giao nộp số tiền 4.000.000đ; ngày 19/5/2023 bà Chu Thị Ng đã tự nguyện giao nộp số tiền 6.000.000đ để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 20/5/2023, chị Trần Thị N giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đĩa CD-R màu vàng bên trong lưu trữ đoạn vi deo ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 09/4/2023 để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 31/5/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định kỹ thuật số điện tử đối với 01 đĩa CD-R màu vàng, bên trong lưu trữ đoạn vi deo ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 09/4/2023 do chị Trần Thị Nụ giao nộp, nội dung yêu cầu giám định: Chụp ảnh, mô tả đặc điểm quần áo, người và thuyết minh diễn biến đối tượng trong các video lưu trữ đĩa CD-R gửi giám định?.

Tại Bản kết luận giám định số 1993/KL-KTHS ngày 19/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chụp được 09 ảnh theo nội dung yêu cầu giám định. Toàn bộ ảnh chụp và thuyết minh được in vào 01 bản ảnh giám định. Nội dung thuyết minh tại bản ảnh giám định: Xuất hiện một số người đang ngồi trước tầm quan sát của camera, xuất hiện 01 người mặc áo dài tay màu đen, đang cầm vật dạng tờ giấy. Xuất hiện 01 người không rõ đặc điểm di chuyển qua tầm quan sát của camera, trên tay cầm theo vật không rõ đặc điểm. Người này trên mở phần cốp sau của chiếc xe ô tô đang đỗ trước tầm quan sát và đứng khuất phía sau đuôi xe. Người mô tả trên đóng phần cốp của xe ô tô sau đó di chuyển khuất tầm quan sát của camera.

Quá trình điều tra xác định, 01 người mặc áo dài tay màu đen và 01 người không rõ đặc điểm trong bản ảnh giám định là cùng một người và là Nguyễn Tiến V, chiếc xe ô tô trong bản ảnh giám định là chiếc xe ô tô của chị Trần Thị N. Hình ảnh video thu giữ được phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với ông Th và bà Ng, quá trình điều tra xác định: Ông Th là người cho Việt thuê nhà trọ, ngày 10/4/2023, V xuống gặp ông Th trả 4.000.000đ tiền nhà trọ còn nợ và đưa trước cho ông Thẩm 6.000.000đ để ông Thẩm trừ dần tiền nhà trọ nhưng sau đó V không ở trọ nhà ông Th nữa nên ông Th đã trả lại số tiền 6.000.000đ của V cho bà Chu Thị Ng (do không gặp được V). Sau khi V bị bắt, ông Th, bà Ng đã tự nguyện giao nộp số tiền này cho Cơ quan điều tra. Ông Th, bà Ng đều không biết số tiền 10.000.000đ trên do V trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không để cập xử lý.

Đối với số tiền 10.000.000đ do ông Th và bà Ng giao nộp, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị N nên ngày 01/8/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị N là phù hợp.

Về dân sự: Chị Trần Thị N yêu cầu Nguyễn Tiến V phải tiếp tục trả chị N số tiền còn lại là 55.000.000đ, V đồng ý trả nhưng hiện nay đang bị tạm giam nên chưa trả được.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSTĐ ngày 14/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đã truy tố Nguyễn Tiến V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến V phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Xử phạt Nguyễn Tiến V từ 2 năm 06 tháng đến 03 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự: Đề nghị: Buộc Nguyễn Tiến Việt phải trả chị N số tiền còn lại là 55.000.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 túi đeo chéo của V, ngày 09/4/2023 Việt đã sử dụng để cất giấu số tiền trộm cắp được do túi đã cũ không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận và rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, khi nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện như sau: Sáng ngày 09/4/2023, tại nhà ở của Trần Thị N ở Tổ dân phố Trại Mới, thị trấn Đại Đình, huyện Tam Đảo, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chị Nụ, Nguyễn Tiến V đã lén lút mở khóa két sắt đặt tại phòng ngủ tầng 2 của gia đình chị Nụ và trộm cắp số tiền 65.000.000đ của chị Nụ.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các chứng cứ khác đã được thu thập và phù hợp với Cáo trạng đã được Đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa. Do vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo V phạm tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt của bị cáo được qui định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

"...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đông;..".

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung;

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do vậy cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo;

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự : "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Cần buộc Nguyễn Tiến V phải trả chị N số tiền còn lại là 55.000.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 túi đeo chéo của Việt, ngày 09/4/2023 V đã sử dụng để cất giấu số tiền trộm cắp được do túi đã cũ không còn giá trị sử dụng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến V phạm tội "Trộm cắp tài sản";

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Tiến V 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 11/5/2023

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự: Buộc Nguyễn Tiến V phải trả cho chị Trần Thị N số tiền 55.000.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 túi đeo chéo Việt đã sử dụng để cất giấu số tiền trộm cắp được do túi đã cũ không còn giá trị sử dụng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị Nụ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không chịu trả số tiền trên thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3.Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/PL-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.750.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Việt

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- UBND xã Yên Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Việt

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 71/2023/HSST - QĐTG

Tam Đảo, ngày 08 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Việt.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Quỳnh và ông Ngô Duy Tùng
Căn cứ vào Điều 109, 113, 119 và 329 Bộ luật tố tụng hình sự;
Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 08/9/2023 của Hội đồng xét xử sơ thẩm
Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giam bị cáo: Nguyễn Tiến Việt, sinh ngày 19/01/1999; trú tại: Khu 5, xã Yên Lương, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản"

Theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự

Thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án

Điều 2. Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Việt

Nơi nhận:
- VKSND H. Tam Đảo;
-Ca H. Tam Đảo
-Trại tạm giam CA tỉnh VP;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.